

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn P, sinh năm 1977 (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1980 (Có mặt).

Cùng cư trú: K, V, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng C, huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh Đ - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công K - Chức vụ: Phó Giám đốc (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, thị trấn V, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngân hàng N, huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh T - Chức vụ: Giám đốc (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, thị trấn V, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Dương Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1999, ông (Dương Văn P) và bà Nguyễn Ngọc Đ xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Đ.

Về con chung: Có 02 người tên là Dương Thanh T (giới tính nữ), sinh ngày 08/06/2002 và Dương Hào D (giới tính nam), sinh ngày 26/11/2004. Hiện tại cả 02 người con chung đang do bà Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông yêu cầu giao cả hai người con chung cho bà Nguyễn Ngọc Đ tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C, huyện T số tiền 20.000.000 đồng và nợ Ngân hàng N, huyện T số tiền 30.000.000 đồng. Ông yêu cầu giao cho bà Nguyễn Ngọc Đ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng N, huyện T, ông chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng C, huyện T.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2019 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn đúng như ông Dương Văn P đã trình bày. Nay, ông Dương Văn P yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng là có 02 người, hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà đồng ý tiếp tục nuôi cả hai người con chung, bà không yêu cầu ông Dương Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất có nợ hai khoản nợ của hai Ngân hàng như ông P đã trình bày. Bà đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N, huyện T số tiền 30.000.000 đồng, giao ông Dương Văn P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C, huyện T số tiền 20.000.000 đồng.

Tại văn bản số 27/CV-PGD, ngày 21 tháng 01 năm 2019, Ngân hàng C, huyện T trình bày:

Ngày 18 tháng 5 năm 2017, ông Dương Văn P có vay số tiền 20.000.000 đồng, hạn trả cuối cùng là ngày 18 tháng 5 năm 2022. Hiện nay, ông P đã thực hiện

đúng nghĩa vụ trả lãi và gốc theo thoả thuận. Vì vậy, các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại văn bản số 06/NHNo-PT, ngày 21 tháng 01 năm 2019, Ngân hàng N, huyện T trình bày:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số: K2.8271.06.15/HĐTD, ngày 26 tháng 02 năm 2016 và giấy nhận nợ ngày 26 tháng 4 năm 2018 của ông Dương Văn P thì ông P còn nợ số tiền 30.000.000 đồng. Khoản vay chưa bị quá hạn. Phần nợ vay tại Ngân hàng N đã được các đương sự đưa vào yêu cầu trong nội dung đơn, Ngân hàng không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Văn P yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện các Ngân hàng vắng mặt tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đại diện các Ngân hàng yêu cầu được xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2]. Xét về hôn nhân: Ông Dương Văn P và bà Nguyễn Ngọc Đ thống nhất xác định vào năm 1999, ông bà xác lập quan hệ vợ chồng đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Hiện tại cả hai cùng xác định tình cảm dành cho nhau không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông P yêu cầu ly hôn với bà Đ. Bà Đ đồng ý theo yêu cầu của ông P. Do hôn nhân giữa ông P và bà Đ vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa ông Dương Văn P và bà Nguyễn Ngọc Đ không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Dương Văn P và bà Nguyễn Ngọc Đ không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Cả hai người thống nhất xác định có hai người con chung là Dương Thanh T (giới tính nữ), sinh ngày 08/06/2002 và Dương Hào D (giới tính nam), sinh ngày 26/11/2004. Hiện tại cả 02 người con chung đang do bà Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai người thống nhất thỏa thuận giao cả hai người con chung cho bà Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của con chung, đồng thời do con chung chưa đủ 18 tuổi, cần phải có người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để công nhận.

[4]. Về tài sản chung: Ông Dương Văn P và bà Nguyễn Ngọc Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ông Dương Văn P và bà Nguyễn Ngọc Đ thống nhất xác định cả hai còn nợ hai khoản nợ Ngân hàng. Cụ thể nợ Ngân hàng C, huyện T số tiền 20.000.000 đồng và nợ Ngân hàng N, huyện T số tiền 30.000.000 đồng. Cả hai thống nhất thỏa thuận như sau: Bà Đ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng N, huyện T, ông P chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng C, huyện T.

Đối với đại diện Ngân hàng N, huyện T có ý kiến trình bày: Căn cứ hợp đồng tín dụng số K2.8271.06.15/HĐTD, ngày 26/02/2016 và giấy nhận nợ ngày 26/4/2018 của ông Dương Văn P thì ông P còn nợ số tiền 30.000.000 đồng. Khoản vay chưa bị quá hạn. Ngân hàng không có yêu cầu nên không đặt ra xử lý.

Đối với đại diện Ngân hàng C, huyện T có ý kiến trình bày: Ngày 18/5/2017, ông Dương Văn P có vay số tiền 20.000.000 đồng, hạn trả cuối cùng là ngày 18/5/2022. Hiện nay, ông P đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi và gốc theo thỏa thuận. Vì vậy, các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Như vậy, các khoản nợ chung như đã nêu trên các đương sự không có tranh chấp, quá trình thỏa thuận giao dịch nếu bên nào vi phạm nghĩa vụ cam kết thì được quyền khởi kiện theo quy định chung nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Dương Văn P phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Dương Văn P và bà Nguyễn Ngọc Đ là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau: Bà Nguyễn Ngọc Đ chịu trách nhiệm nuôi dưỡng hai người con chung là Dương Thanh T (giới tính nữ), sinh ngày 08/06/2002 và Dương Hào D (giới tính nam), sinh ngày 26/11/2004. Ông Dương Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Ngọc Đ về việc không yêu cầu ông Dương Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Ông Dương Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Dương Văn P, bà Nguyễn Ngọc Đ tự thỏa thuận nên không đặt ra xử lý.

4. Về nợ chung: Ông Dương Văn P, bà Nguyễn Ngọc Đ, Ngân hàng C, huyện T, Ngân hàng N, huyện T thống nhất tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không đặt ra xử lý.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Dương Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Dương Văn P đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007429 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước